TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 540/2017/DS-ST
Ngày: 26-9-2017
V/v "tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Thái**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Minh Thống**;

2. Ông **Trần Văn Duy**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Tâm** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân *tham gia phiên tòa*: Bà **Hoàng Thị Hà** – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2017/TLST– DS ngày 05 tháng 01 năm 2017 về "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 270/2017/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V;

Địa chỉ: Đường T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Phát H, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Đường V, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. (có yêu cầu vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Đường H, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/11/2016 và bản tự khai ngày 19/01/2017, nguyên đơn ngân hàng Thương mại cổ phần V (sau đây gọi tắt là V) trình bày: Ngày 24/11/2014, V phát hành 02 thẻ tín dụng Master số 0714000 và Amex số A00709938 cho ông Nguyễn Văn T theo hình thức tín chấp cá nhân, căn cứ

theo thu nhập của ông T với chức danh Phó tổng giám đốc công ty đầu tư xây dựng quốc tế N, theo đó V đã cấp tổng hạn mức cho 02 thẻ tín dụng là 100.000.000 đồng.

Sau khi được cấp 02 thẻ tín dụng nói trên, ông T đã thực hiện các giao dịch chi tiêu cá nhân, nhưng sau đó không thanh toán nợ theo nhiều kỳ sao kê cho V; V đã nhiều lần gửi thông báo nhắc nợ (theo các Thông báo ngày 26/01/2016, 19/02/2016 và 01/11/2016) đồng thời gọi điện thoại cho ông T nhưng ông vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Tính đến ngày 20/11/2016, ông Nguyễn Văn T còn nợ 167.182.342 (một trăm sáu mươi bảy triệu một trăm tám mươi hai nghìn ba trăm bốn mươi hai) đồng; trong đó:

Đối với thẻ tín dụng Amex A0079938: nợ vốn gốc là 35.933.334 đồng; nợ lãi là 11.415.697 đồng và phí là 27.566.897 đồng; tổng dư nợ là 74.915.928 đồng.

Đối với thẻ tín dụng Master 0714000: nợ vốn gốc là 49.000.000 đồng; nợ lãi là 14.087.613 đồng và phí là 29.178.801 đồng; tổng dư nợ là 92.266.414 đồng.

Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn T phải thanh toán toàn bộ nợ vốn gốc, nợ lãi và phí tạm tính đến ngày 20/11/2016 là 167.182.342 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 21/11/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, do ông Nguyễn Văn T không có mặt theo triệu tập của Tòa án nên không thể ghi nhận được ý kiến của ông T.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu quan điểm: Tòa án vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án riêng các phần khác Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

V có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T, có nơi cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, nên

căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Phát H có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt ông H và ông T.

[2] Về nội dung:

Đối với yêu cầu của V về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải thanh toán nợ của 02 thẻ tín dụng Amex A0079938 và Master 0714000 theo thỏa thuận tại Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 24/11/2014 của ông T, Hội đồng xét xử nhận định:

Về nợ vốn: Xét, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do nguyên đơn cung cấp, gồm: Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 24/11/2014, Bảng sao kê tài khoản thẻ tín dụng V American Express, Bảng sao kê tài khoản thẻ tín dụng V Mastercard và Giấy cam kết trả nợ ngày 19/12/2016, đã có đủ cơ sở xác định: Với phiếu Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 24/11/2014, ông Nguyễn Văn T đã đề nghị và được V chấp nhận cấp 02 thẻ tín dụng quốc tế loại V American Express và V Mastercard với hạn mức 50.000.000 đồng cho mỗi thẻ. Đây là Hợp đồng vay tài sản thông qua hình thức sử dụng thẻ tín dụng nhằm mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong thời gian sử dụng 02 thẻ tín dụng nói trên ông T đã thực hiện các giao dịch khác nhau nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo các kỳ sao kê do phía ngân hàng gửi. Tính đến ngày 20/11/2016, ông Nguyễn Văn T còn nợ vốn gốc của thẻ Amex A0079938 là 35.933.334 đồng; nợ vốn gốc của thẻ Master 0714000 là 49.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Văn T nhưng ông T vẫn không có mặt để giải quyết vụ án, không cung cấp lời khai thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên mặc nhiên từ bỏ quyền lợi của chính mình, đồng thời phải chịu mọi hậu quả đối với việc vắng mặt này;

Hội đồng xét xử thấy rằng ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã được các bên thỏa thuận tại phiếu Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 24/11/2014 nên V khởi kiện yêu cầu ông T trả tiền vốn vay còn nợ là có cơ sở; do đó cần chấp nhận yêu cầu và buộc ông T phải trả cho V số tiền vốn còn nợ của 02 thẻ tín dụng tổng cộng là 84.933.334 đồng (trong đó thẻ Amex A0079938 là 35.933.334 đồng; thẻ Master 0714000 là 49.000.000 đồng).

-Về nợ lãi và phí chậm thanh toán: Điều 12 của phiếu Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 24/11/2014 thể hiện bên vay xác nhận khi phát hành thẻ đã được thông báo về "Biểu phí phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế"

đính kèm thể hiện: lãi suất cho vay được xác định theo Thông báo của Ngân hàng ghi trong sao kê và phí chậm thanh toán đồng thời cam kết tuân thủ "Các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế" đính kèm của Ngân hàng.

Xét, nợ lãi trong hạn và phí chậm thanh toán mà V yêu cầu bị đơn phải thanh toán được xác định theo thỏa thuận của các bên tại "Biểu phí phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế" của V; thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước về ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng với khách hàng và Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước về ban hành Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng do đó cần xem xét chấp nhận, buộc ông Nguyễn Văn T phải thanh toán cho V nợ lãi và phí chậm thanh toán tính đến ngày xét xử vụ án (26/9/2017) là 168.438.399 đồng (trong đó đối với thẻ Amex A0079938: nợ lãi là 16.75.888 đồng, phí phạt là 60.000.823; đối với thẻ Master 0714000: nợ lãi là 20.732.610 đồng, phí phạt là 70.979.078 đồng).

Phía nguyên đơn có lời khai xác định không yêu cầu tiếp tục tính phí chậm thanh toán đối với số tiền còn nợ; điều này có lợi cho bên vay, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền ông Nguyễn Văn T phải trả cho V là 253.371.733 (hai trăm năm mươi ba triệu ba trăm bảy mươi một nghìn bảy trăm ba mươi ba) đồng (trong đó tiền nợ vốn gốc là 84.933.334 đồng; tiền nợ lãi là 37.458.498 đồng và phí phạt chậm thanh toán là 130.979.901 đồng); ông T phải thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

- V không phải chịu án phí và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V;

Buộc ông Nguyễn Văn T trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 253.371.733 (hai trăm năm mươi ba triệu ba trăm bảy mươi một nghìn bảy trăm ba mươi ba) đồng (trong đó tiền nợ vốn gốc là 84.933.334 đồng; tiền nợ lãi là 37.458.498 đồng và phí phạt chậm thanh toán là 130.979.901 đồng). Trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi Ngân hàng Thương mại cổ phần V có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Văn T chưa thanh toán thì ông T còn phải chịu thêm tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo thỏa thuận của các bên tại Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 24/11/2014 và "Biểu phí phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế" của Ngân hàng Thương mại cổ phần V tại thời điểm thi hành tương ứng với thời gian và khoản tiền chưa thi hành án.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Ông Nguyễn Văn T phải chịu 12.668.587 (mười hai triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm tám mươi bảy) đồng án phí dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V 4.179.558 (bốn triệu một trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm năm mươi tám) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001812 ngày 05/01/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn và bị đơn (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *VKSND quận Bình Tân;*
- *VKSND TP. Hồ Chí Minh;*
- *TAND TP. Hồ Chí Minh;*
- *Chi cục THADS quận Bình Tân;*
- *Lưu: HS + VT.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Quốc Thái